

Số: 14/2024/QĐST-VLĐ

Dĩ An, ngày 26 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đào Thị Thu Vân.

Thư ký phiên họp: Ông Lê Duy Long - Thư ký Toà án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân thành phố D mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 38/2024/TLST-VLĐ, ngày 13/3/2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 07/2024/QĐST-LĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Phạm Thị N, sinh năm 1991. Địa chỉ Tổ B, ấp F, xã Đ, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty TNHH P. Địa chỉ: B, đường số H, Khu công nghiệp S, phường D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH P: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1995, địa chỉ số B đường số H KCN Sóng Thần I, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Theo giấy ủy quyền ngày: 18/3/2024. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bà Lê Thị Q, sinh năm 1995. Địa chỉ thường trú: Xóm H, xã Q, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố D. Địa chỉ: Đường T, Khu T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của BHXH thành phố D: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; địa chỉ: A khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Theo Văn bản ủy quyền ngày 19/3/2024, có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu bà Phạm Thị N trình bày: Từ tháng 4/2011 cho đến 01/2012, bà N có làm việc tại Công ty TNHH MTV S tại địa chỉ: khu phố B, N, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Nay Phạm Thị N thực hiện thủ tục điều chỉnh, rút bảo hiểm

xã hội thì bên Bảo hiểm xã hội rà soát và phát hiện hồ sơ bảo hiểm của bà N bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: Em họ bà N – là bà Lê Thị Q (sử dụng thông tin của bà N) giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P từ tháng 4/2011 đến tháng 01/2012. Cùng thời điểm đó bà N giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH MTV S và làm việc từ khoảng tháng 03/2010 đến tháng 4/2013. Do đó, bà N bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 4/2011 đến tháng 01/2012 tương đương với thời gian bà Lê Thị Q mượn hồ sơ lao động của bà N. Bà N nhiều lần liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố D nhờ hướng dẫn thì cán bộ yêu cầu bà N khởi kiện ra Tòa án tuyên bố vô hiệu đối với hợp đồng lao động giữa Công ty TNHH P với bà Phạm Thị N (do bà Lê Thị Q tham gia lao động) theo hướng dẫn tại Công văn 1767/LĐTBXH-BHXXH ngày 31/5/2022 của Bộ L1.

- Bà Lê Thị T2 là người được ủy quyền hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty P trình bày: Công ty xin cung cấp tài liệu như sau: Phạm Thị N, sinh ngày 20/12/1991; Số chứng minh thư: 187059182, số CCCD: 07911039094; Quê quán Quỳnh Lâm, Q, Nghệ An; Mã số nhân viên: 22111707; Chức vụ công nhân may; ngày vào làm việc 24/02/2011; ngày nghỉ việc 02/02/2012; Số sổ bảo hiểm: 7411117149; Công ty đã tham gia đầy đủ BHXH, BHYT và BHTN cho Phạm Thị N theo quyết định của pháp luật.

- Ông Dương Văn T1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương trình bày: Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty P cho người lao động thì Công ty P có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Phạm Thị N, sinh ngày 20/12/1991, số CMND 365898923 (CCCD 040191017007), với mã số BHXH 7411117149 từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2012 chưa nhận trợ cấp BHXH và BHTN. Ngoài ra bà Phạm Thị N còn có mã số: 7410278707 từ tháng 09/2010 đến tháng 02/2011 chưa nhận trợ cấp BHXH và BHTN. Mã số 7911039094 tham gia BHXH từ tháng 09/2010 đến tháng 12/2010 tại Công ty Cổ phần Đ (đã nhận trợ cấp BHXH); từ tháng 01/2011 đến tháng 10/2011 tại Công ty TNHH MTV S (đã nhận được trợ cấp BHXH); từ tháng 01/2012 đến tháng 01/2012 tại Công ty TNHH P (đã nhận trợ cấp BHXH); từ tháng 02/2012 đến tháng 05/2013 tại Công ty TNHH MTV S (đã nhận trợ cấp BHXH); từ tháng 04/2015 đến tháng 04/2015 tại Công ty TNHH N1; từ tháng 07/2016 đến tháng 01/2017 tại Công ty TNHH T3; từ tháng 02/2017 đến tháng 04/2020 tại Công ty TNHH U. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Phạm Thị N, BHXH không có lưu trữ hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của bà Phạm Thị N phía Bảo hiểm xã hội thành phố D, tỉnh Bình Dương không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Q trình bày: Vào năm 2011, do Lê Thị Q chưa đủ tuổi để giao kết hợp đồng nên có mượn chứng minh nhân dân số 187059182 của chị họ là Phạm Thị N để giao kết hợp đồng lao động với Công ty TNHH P; địa chỉ số B đường số H, khu công nghiệp S, D, Bình Dương. Công ty TNHH P đã đóng bảo hiểm cho bà Q với tên là Phạm Thị N từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2012. Đến thời điểm hiện tại thì bà Q đã nghỉ việc tại Công ty TNHH P rất lâu nên hợp đồng lao động và các giấy tờ liên quan thất lạc hết không thể cung cấp đến cho Tòa án. Tại thời điểm lấy thông tin của bà Phạm Thị N để giao kết hợp đồng lao động, bà Q và bà N không hiểu biết pháp luật nên đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Phạm Thị N. Do đó, đối với yêu cầu của bà Phạm Thị N về việc yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao

động giữa bà Phạm Thị N với Công ty TNHH P thời gian làm việc từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2012 là vô hiệu thì Lê Thị Q đồng ý.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà N, bà Q, Bảo hiểm xã Hội thành phố D, Công ty TNHH P có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự khai thông nhất như sau: Người lao động tên Phạm Thị N, sinh năm 1991, số chứng minh nhân dân 365898923 (số CCCD 040191017007), quá trình tham gia bảo hiểm như sau: Công ty P có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Phạm Thị N, sinh ngày 20/12/1991, số CMND 365898923 (CCCD 040191017007), với mã số BHXH 7411117149 từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2012 chưa nhận trợ cấp BHXH và BHTN. Đồng thời, bà Phạm Thị N còn tham gia BHXH, BHYT, BHTN có mã số: 7410278707 từ tháng 09/2010 đến tháng 02/2011 chưa nhận trợ cấp BHXH và BHTN. Bà N xác định thời gian từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2012 bản thân bà N ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH MTV S (mã số thuế: 0301454367, địa chỉ: khu phố B, N, phường H, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) và không làm việc cho Công ty TNHH P, D, Bình Dương. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian nêu trên, em họ bà là bà Lê Thị Q có mượn chứng minh nhân dân của bà N sau đó bà Q sử dụng thông tin các nhân của bà N để ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH P từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2012 nên cùng một lúc từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2012 bà L tham gia tại 02 công ty là Công ty TNHH P và Công ty TNHH MTV S. Phía người đại diện của Công ty TNHH P xác định đã tham gia đầy đủ BHXH, BHYT và BHTN cho Phạm Thị N theo quyết định của pháp luật.

[3] Xét lời trình bày của các đương sự thấy rằng: Trong khoản thời gian từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2012, bà N tham gia ký kết hợp đồng lao động cùng một lúc 02 công ty, đó là Công ty TNHH MTV S và C, nhưng thật tế bà N chỉ làm việc tại Công ty TNHH MTV S, còn người làm việc tại Công ty P là bà Q (chị họ của bà N) vì bà Q mượn giấy chứng minh nhân dân của bà N để tham gia lao động. Bản thân bà N và bà Q không hề biết sự việc này là vi phạm pháp luật. Do đó, cùng một lúc bà N tham gia đóng BHXH, BHYT tại 02 công ty trên. Lời trình bày của bà N, bà Q phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2012, bà Phạm Thị N có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH MTV S và C. Xét thấy việc bà Q lấy tên bà N để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó việc bà Phạm

Thị N yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động từ tháng 04/2011 đến tháng 01/2012 giữa bà Phạm Thị N (do bà Lê Thị Q mượn tên) với Công ty TNHH P là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp. Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

[5] Về lệ phí: Bà Phạm Thị N phải chịu theo quy định.

[6] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 15, 16, 49 của Bộ luật lao động;

Căn cứ vào các Điều: 149, 367, 401, 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Phạm Thị N.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Phạm Thị N, sinh năm: 1991, địa chỉ: tổ B, ấp F, xã Đ, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh (do bà Lê Thị Q ký kết) với Công ty TNHH P từ tháng 4/2011 đến tháng 01/2012 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Phạm Thị N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0004503 ngày 06/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục Thi hành án Dĩ An;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân